

Số: 2215/QĐ-XHNV

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo đại học (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV, ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn quy định về Tổ chức và Hoạt động trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 3837/HD-XHNV, ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc Hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo đại học;

Căn cứ Công văn số 1514/ĐHQGHN-ĐT&CTSV ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Công tác người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành 28 chương trình đào tạo trình độ đại học (điều chỉnh) áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 7608/QĐ-XHNV ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo và Công tác người học và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT&CTNH.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Hoàng Anh Tuấn

DANH MỤC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (ĐIỀU CHỈNH)
(Ban hành theo Quyết định số: 2215/QĐ-XHNV ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

TT	Tên chương trình đào tạo	Mã số
1.	Báo chí	7320101
2.	Chính trị học	7310201
3.	Công tác xã hội	7760101
4.	Điện ảnh và Nghệ thuật đại chúng	7229036
5.	Đông Nam Á học	7310620
6.	Đông phương học	7310608
7.	Hán Nôm	7220104
8.	Hàn Quốc học	7310614
9.	Khoa học quản lý	7340401
10.	Lịch sử	7229010
11.	Lưu trữ học	7320303
12.	Ngôn ngữ học	7229020
13.	Nhân học	7310302
14.	Nhật Bản học	7310613
15.	Quan hệ công chúng	7320108
16.	Quản lý thông tin	7320205
17.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
18.	Quản trị khách sạn	7810201
19.	Quản trị văn phòng	7340406
20.	Quốc tế học	7310601
21.	Tâm lý học	7310401
22.	Tôn giáo học	7229009
23.	Thông tin - Thư viện	7320201
24.	Triết học	7229001
25.	Văn học	7229030
26.	Văn hóa học	7229040
27.	Việt Nam học	7310630
28.	Xã hội học	7310301

Danh sách gồm 28 chương trình đào tạo. *24*



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

MÃ SỐ: 7810103

(Ban hành theo Quyết định số 2215/QĐ-XHNV, ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
 - + Tiếng Anh: Tourism and Travel Management
- Mã số ngành đào tạo: 7810103
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Tourism and Travel Management
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có kiến thức toàn diện về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có kỹ năng chuyên môn vững chắc, có năng lực nghề nghiệp đa dạng; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, thái độ làm việc trách nhiệm, độc lập và hòa đồng với tập thể; có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy nguồn tài nguyên du lịch; có khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hoá, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động và những thách thức của cách mạng công nghiệp và toàn cầu hoá.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo người học nắm vững những kiến thức cơ bản của khoa học xã hội nhân văn, khoa học quản lý, quản trị kinh doanh, khoa học du lịch (văn hoá du lịch, địa lý du lịch, kinh tế du lịch...) cũng như những kiến thức toàn diện trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động kinh doanh du lịch như quản trị lữ hành, hướng dẫn du lịch, quản trị sự

kiện, kinh tế du lịch... để có thể vận dụng vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh du lịch, quản lý lễ hành hoặc sự kiện, cung cấp các dịch vụ có chất lượng, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, đảm bảo phát triển du lịch bền vững;

- Đào tạo người học thành thạo các kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản của chuyên ngành như lễ hành, hướng dẫn, quản trị sự kiện, kinh tế du lịch; biết cách sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất; có thể tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; có kỹ năng thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong du lịch hoặc tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch; có các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp cá nhân, làm việc nhóm và sử dụng thành thạo Tiếng Anh chuyên ngành;

- Đào tạo người học có tư duy phản biện, tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và chủ động, đảm nhận vai trò lãnh đạo khi cần thiết; xây dựng, bảo vệ quan điểm cá nhân một cách khoa học, lập kế hoạch, điều phối, giám sát và cải tiến hoạt động chuyên môn phù hợp với bối cảnh nghề nghiệp; Tự tin, linh hoạt, có khả năng xử lý tình huống, thích nghi với môi trường làm việc quốc tế; Có tinh thần trách nhiệm với công việc và nghề nghiệp, với khách hàng và cộng đồng, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; Có ý thức gìn giữ tài nguyên văn hóa và thiên nhiên, góp phần phát triển du lịch bền vững.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo thông tin Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

3.2. Đối tượng dự tuyển

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo thông tin Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt và theo thông tin Tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được công bố hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

PLO 01. Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, triết học, kinh tế, xã hội, pháp luật và công nghệ để nhận thức và xử lý các vấn đề học thuật và đời sống trong bối cảnh đương đại;

PLO 02. Vận dụng kiến thức căn bản về các chuẩn mực học thuật, đạo đức nghề nghiệp, tư duy sáng tạo, tư duy thiết kế, khởi nghiệp, công nghệ thông tin và các công cụ AI để phân tích và xử lý các vấn đề chuyên môn và đời sống trong bối cảnh kỷ nguyên số;

PLO 03. Vận dụng kiến thức nền tảng về quản trị, truyền thông, phương pháp nghiên cứu khoa học, các nguyên lý, mô hình và quy trình trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn;

PLO 04. Vận dụng kiến thức ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh, quản lý du lịch, lữ hành và sự kiện;

PLO 05. Vận dụng được các kiến thức thực tiễn nghề nghiệp vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh, quản lý du lịch, lữ hành và sự kiện;

PLO 06. Vận dụng được các kiến thức của hướng chuyên ngành (lữ hành/sự kiện/kinh tế du lịch) vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh du lịch, quản lý lữ hành, sự kiện, cung cấp dịch vụ chất lượng, hướng đến phát triển bền vững.

2. Về kĩ năng

PLO 07. Thực hành thành thạo các nghiệp vụ cơ bản của chuyên ngành như quản trị lữ hành, hướng dẫn, quản trị sự kiện, kinh tế du lịch;

PLO 08. Có kĩ năng xác định vấn đề, đề xuất giải pháp trong các bối cảnh kinh doanh và quản trị du lịch;

PLO 09. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, máy móc thiết bị, phần mềm chuyên ngành trong học tập và công việc;

PLO 10. Thành thạo Tiếng Anh ở trình độ B1 tương đương trình độ bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội; Thành thạo tiếng Anh du lịch và tiếng Anh chuyên ngành trong hoạt động học tập, nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp;

PLO 11. Thiết kế và triển khai các hoạt động nghiên cứu, quản trị và truyền thông trong môi trường thực tiễn;

PLO 12. Thành thạo kĩ năng thuyết trình, kĩ năng giao tiếp cá nhân, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng đàm phán, thuyết phục.

3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 13. Hình thành tư duy phản biện, tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập và chủ động, đảm nhận vai trò lãnh đạo khi cần thiết; xây dựng, bảo vệ quan điểm cá nhân một cách khoa học, lập kế hoạch, điều phối, giám sát và cải tiến hoạt động chuyên môn phù hợp với bối cảnh nghề nghiệp;

PLO 14. Tự tin, linh hoạt, có khả năng xử lý tình huống, thích nghi với môi trường làm việc quốc tế;

PLO 15. Có tinh thần trách nhiệm với công việc và nghề nghiệp, với khách hàng và cộng đồng, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; Có ý thức gìn giữ tài nguyên văn hóa và thiên nhiên, góp phần phát triển du lịch bền vững.

4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch;
- Nhân viên hoặc cán bộ tổ chức, quản lý, điều hành và triển khai hoạt động trong các công ty lữ hành, vận chuyển, tổ chức sự kiện, vui chơi giải trí và các đơn vị dịch vụ khác;
- Giảng dạy, nghiên cứu viên trong các cơ sở đào tạo về du lịch hoặc các trung tâm, viện nghiên cứu;
- Kinh doanh và có thể làm chủ các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực lữ hành, sự kiện và các dịch vụ du lịch khác;
- Hướng dẫn viên du lịch, hướng dẫn viên tại điểm;
- Các công việc khác phù hợp.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể tiếp tục theo học sau đại học để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực du lịch: như học thạc sĩ Du lịch tại khoa Du lịch học, hoặc chuyển đổi để học thạc sĩ Văn hóa Nghệ thuật, thạc sĩ Việt Nam học, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, thạc sĩ Du lịch tại các trường đại học nước ngoài.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt khung chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): 126 tín chỉ

Các khối kiến thức

CÁC KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		
- Kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ)	21 tín chỉ	PLO 01, PLO 12, PLO 13
PHẦN CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH		
- Kiến thức cơ sở ngành	21 tín chỉ	PLO 09, PLO 11 - PLO 15
- Kiến thức nhóm ngành Học phần bắt buộc: 17 Học phần tự chọn: 4/20	21 tín chỉ	PLO 03, PLO 04, PLO 08, PLO 11 - PLO 15
- Kiến thức ngành Học phần bắt buộc: 19 Học phần tự chọn: 9 Định hướng chuyên ngành: 24 Khóa luận/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 5	57 tín chỉ	PLO 04 - PLO 09, PLO 12 - PLO 15
PHẦN THỰC TẬP/TRẢI NGHIỆM		
- Thực tập/trải nghiệm	6 tín chỉ	PLO 04, PLO 05, PLO 07 - PLO 09, PLO 12 - PLO 15

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
I		Kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)	21				
1.	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin <i>Marxist - Leninist philosophy</i>	3	42	6	102	
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin <i>Political economy of Marx - Lenin</i>	2	20	20	60	PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2	28	4	68	
4.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	28	4	68	
5.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh ideology</i>	2	28	4	68	
6.	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>General state and law</i>	2	20	20	60	PHI1006
7.	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	70	160	
8.	VNU1001	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo <i>Introduction to digital technology and applications of artificial intelligence</i>	3				
9.		Kỹ năng bổ trợ <i>Soft skill</i>	3				
10.		Giáo dục thể chất <i>Physical education</i>	4				
11.		Giáo dục Quốc phòng - An ninh <i>National defense education</i>	8				
PHẦN CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH							
II		Kiến thức cơ sở ngành	21				
12.	TOU1103	Tiếng Anh Du lịch	3	30	30	90	FLF1107

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>English for specific purposes in tourism</i>					
13.	TOU1105	Tiếng Anh chuyên ngành lễ hành, sự kiện <i>English for specific purposes in travel and event management</i>	3	30	30	90	TOU1103
14.	LIT1170	Tư duy sáng tạo và tư duy thiết kế <i>Creative thinking and design thinking</i>	3	39	12	99	
15.	INF1150	Ứng dụng AI trong học tập và nghề nghiệp <i>Artificial intelligence for academic success and professional development</i>	3	20	50	80	
16.	MNS1161	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp <i>Innovation & entrepreneurship</i>	3	42	6	102	
17.	HIS1160	Văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Vietnamese culture in the digital age</i>	3	42	6	102	
18.	PSY1164	Đạo đức nghề nghiệp và liêm chính học thuật <i>Professional ethics and academic integrity</i>	3	30	30	90	
III		Kiến thức nhóm ngành	21				
III.1		Các học phần bắt buộc	17				
19.	USH2001	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu <i>Research methods and designs</i>	5	45	60	145	
20.	JOU2024	Truyền thông trong bối cảnh số <i>Mass communication in the digital age</i>	4	50	20	130	
21.	TOU2018	Đại cương Quản trị kinh doanh <i>Introduction of business admintration</i>	4	45	30	125	
22.	TOU2019	Nhập môn Du lịch <i>Introduction to tourism</i>	4	44	32	124	

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
III.2		Các học phần tự chọn	4/20				
23.	PSY2038	Tâm lý học và đời sống <i>Psychology and life</i>	4	45	30	125	
24.	SOC2001	Xã hội học và các vấn đề xã hội đương đại <i>Sociology and contemporary social problems</i>	4	55	10	135	
25.	PHI2025	Logic học và nghệ thuật phân biện <i>Logic and the art of critical thinking</i>	4	40	40	120	
26.	HIS2023	Văn minh thế giới và sự tiến hóa nhân loại <i>World civilizations and the evolution of mankind</i>	4	40	40	120	
27.	TOU2020	Diễn giảng công cộng <i>Public speaking</i>	4	32	56	112	
IV		Kiến thức ngành	57				
IV.1		Các học phần bắt buộc	19				
28.	TOU2003	Kinh tế du lịch <i>Tourism economics</i>	3	44	32	124	TOU2018
29.	TOU1150	Văn hóa du lịch <i>Cultural studies of tourism</i>	3	39	12	99	
30.	TOU2002	Địa lý du lịch <i>Tourism geography</i>	3	36	18	96	
31.	TOU1151	Marketing du lịch <i>Marketing in tourism industry</i>	3	39	12	99	
32.	TOU3045	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao <i>Communication and diplomatic protocols</i>	4	44	32	124	
33.	TOU1101	Kiến tập tổng hợp <i>Professional insights program</i>	3	15	60	75	TOU2019
IV.2		Các học phần tự chọn	9/36				
34.	TOU3051	Hành vi tiêu dùng du lịch <i>Tourism behavior</i>	3	36	18	96	
35.	TOU3052	Thanh toán quốc tế trong du lịch <i>International payment in tourism industry</i>	3	36	18	96	TOU2003

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
36.	TOU3053	Thống kê du lịch <i>Statistics in tourism</i>	3	36	18	96	TOU2003
37.	TOU3054	Du lịch văn hóa phi vật thể <i>Intangible cultural tourism</i>	3	39	12	99	TOU1150
38.	TOU3056	Pháp luật du lịch <i>Laws in tourism</i>	3	39	12	99	
39.	TOU3015	Du lịch sinh thái <i>Ecotourism</i>	3	39	12	99	
40.	TOU3055	Du lịch văn hóa vật thể <i>Tangible cultural tourism</i>	3	39	12	99	TOU1150
41.	TOU3018	Xúc tiến du lịch <i>Tourism promotion</i>	3	39	12	99	TOU1151
42.	TOU3028	Ý tưởng và kịch bản sự kiện <i>Event ideas, flow And script</i>	3	36	18	96	
43.	TOU3029	Tài trợ và gây quỹ cho sự kiện <i>Event sponsoring and fundraising</i>	3	39	12	99	
44.	TOU3044	Phát triển sản phẩm du lịch <i>Tourism product development</i>	3	39	12	99	
45.	TOU3003	Kinh doanh dịch vụ bổ sung <i>Supplementary service business</i>	3	33	24	93	
IV.3		Định hướng chuyên ngành (Sinh viên chọn 1 trong 3 hướng chuyên ngành)	24				
IV.3.1		Chuyên ngành Quản trị lữ hành	24				
46.	TOU3060	Điểm tuyến du lịch Việt Nam <i>Tourism destinations and routes of vietnam</i>	4	44	32	124	
47.	TOU3041	Hướng dẫn du lịch <i>Tour guiding</i>	4	44	32	124	
48.	TOU3061	Điều hành và thực tập lữ hành <i>Tour operator and internship in travel industry</i>	5	37	76	137	
49.	TOU3062	Quản trị kinh doanh lữ hành <i>Travel business management</i>	4	44	32	124	TOU3061
50.	TOU3063	Thực tập hướng dẫn du lịch <i>Internship - tour guiding</i>	4	16	88	96	TOU3041

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
51.	TOU3059	Kinh doanh lữ hành số <i>Digital travel business</i>	3	36	18	96	
IV.3.2		Chuyên ngành Quản trị sự kiện	24				
52.	TOU3043	Tổng quan sự kiện <i>Introduction to event management</i>	3	39	12	99	
53.	TOU3064	Thiết kế và tổ chức sản xuất sự kiện <i>Event design and production</i>	4	44	32	124	
54.	TOU3065	Quản trị sự kiện <i>Event management</i>	4	44	32	124	TOU3043
55.	TOU3066	Thực hành dự án sự kiện <i>Event projects</i>	5	30	90	130	TOU3064
56.	TOU3025	PR và truyền thông cho sự kiện <i>PR and communications in event management</i>	3	39	12	99	
57.	TOU3067	Thực tập chuyên ngành sự kiện <i>Internship in events</i>	5	12	126	112	TOU3043
IV.3.3		Chuyên ngành Kinh tế du lịch	24				
58.	TOU3068	Thị trường du lịch <i>Tourism market</i>	4	44	32	124	TOU2018
59.	TOU3058	Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch <i>Financial management in tourism</i>	3	36	18	96	
60.	TOU3069	Kinh tế tuần hoàn trong du lịch <i>Introduction to circular economy in tourism</i>	4	44	32	124	
61.	TOU3070	Quản lý dự án đầu tư du lịch <i>Management of tourism investment projects</i>	4	40	40	120	
62.	TOU3071	Kinh tế số và chuyển đổi số trong du lịch <i>Digital economy and digital transformation in tourism</i>	4	40	40	120	
63.	TOU3072	Thực tập chuyên ngành kinh tế du lịch <i>Internship in tourism economics</i>	5	9	132	109	TOU3068

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
IV.4		Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	5				
64.	TOU4051	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation thesis</i>	5	6	0	244	
65.	TOU4066	Tài nguyên và kinh doanh lữ hành (*) <i>Tourism resources and tour operation business</i>	5	60	30	160	
66.	TOU4067	Tài nguyên và kinh doanh sự kiện (**) <i>Event resources and business</i>	5	50	50	150	
67.	TOU4068	Tài nguyên và kinh doanh du lịch (***) <i>Tourism resources and tourism business</i>	5	60	30	160	
PHẦN THỰC TẬP/TRẢI NGHIỆM			6				
68.	TOU2016	Thực tập tổng hợp <i>Internship</i>	3	15	60	75	TOU1101
69.	TOU4050	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>	3	6	78	66	
Tổng cộng			126				

(*): Học phần thay thế tốt nghiệp của chuyên ngành Quản trị lữ hành

(**): Học phần thay thế tốt nghiệp của chuyên ngành Quản trị sự kiện

(***): Học phần thay thế tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế du lịch

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá. 